

Bản án số: 322/2024/HSPT
Ngày 16 tháng 4 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam
Ông Phạm Văn Tuyền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Hương Thùy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 151A/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo La Văn T và bị cáo Vũ Đình T1, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 151/2023/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. La Văn T, sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú: thôn S, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn X (đã chết năm 2023) và bà Trần Thị T2; có vợ là Phạm Thị N và 03 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt).

2. Vũ Đình T1, sinh năm 1981; nơi đăng ký thường trú: thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình T3 và bà Nguyễn Thị T4; có vợ là Ngô Thị N1 (đã ly hôn), không có con; tiền sự: không; tiền án: ngày 10/11/2017 bị Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 42 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và phạt bổ sung 5.000.000 đồng (chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/6/2020; chấp hành xong phạt bổ sung và án phí ngày 05/6/2023);

Nhân thân:

- Ngày 01/9/2021 bị Công an huyện V, tỉnh Bắc Giang xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 126); chấp hành nộp phạt ngày 01/9/2011.

- Ngày 31/7/2012 bị Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 53); đã chấp hành xong bản án.

- Ngày 16/8/2012 bị Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 174); đã chấp hành xong bản án.

- Ngày 12/9/2012 bị Toà án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 78); đã chấp hành xong bản án.

- Ngày 24/01/2013 bị Toà án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 01; đã bao gồm tổng hợp hình phạt của Bản án số 174 ngày 16/8/2012 của TAND thành phố Bắc Ninh và bản án số 78 ngày 12/9/2012 của TAND huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên). Chấp hành xong Bản án ngày 29/01/2015.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo La Văn T (gia đình bị cáo mời):* Ông Phạm Quang Q, Luật sư của Công ty L; địa chỉ: Tầng A, B-TT08-40, khu nhà ở Ngân Hà V, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Đình T1 (do chỉ định):* Luật sư Phạm Tuấn A, Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có bị cáo Phạm Văn D có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo và Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm; bị cáo Hoàng Thị N2 và 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị (Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 03 giờ 20 phút ngày 25/02/2023, tại đoạn đường T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh, Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC04) Công an tỉnh B phối hợp với Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (C04) Bộ C và Công an phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh tiến hành dừng, kiểm tra xe ô tô taxi BKS 30A-890.51 do anh Trương Văn H (sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: thôn L, xã H, huyện C, Thành phố Hà Nội) điều khiển theo hướng Hà Nội - Lạng Sơn, trên xe chở Phạm Văn D. Quá trình kiểm tra, Tổ công tác phát hiện tại cốp sau xe ô tô có 01 chiếc va ly màu xanh; tiến hành mở chiếc va ly thấy bên trong có 01 bao tải dứa màu đen, bên trong bao tải dứa màu đen có:

- 02 túi nilon màu vàng bên trong mỗi túi có 01 túi nilon màu trắng, bên trong các túi nilon màu trắng đều chứa chất tinh thể màu trắng;

- 02 túi nilon màu xanh bên trong mỗi túi có 01 túi nilon màu trắng, trong các túi nilon màu trắng đều chứa chất tinh thể màu trắng;

- 96 túi nilon màu xanh và 24 túi nilon màu hồng, bên trong mỗi túi đều chứa các viên nén màu xanh và màu hồng;

- 04 bánh hình hộp chữ nhật được bọc ngoài bằng nhiều lớp nilon, bên trong cùng là chất bột màu trắng.

Tại thời điểm kiểm tra, Phạm Văn D khai nhận số vật chứng trên là ma túy của La Văn T thuê D chở từ Sơn La về Bắc Giang cho T. Tổ công tác niêm phong số vật chứng trên vào 01 thùng giấy và lập biên bản phạm tội quả tang đối với D trước sự chứng kiến của anh Trương Văn H và anh Đồng Quốc N3 (sinh năm 1994; trú tại: Tổ G, Ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai). Ngoài ra còn thu giữ của D 02 điện thoại di động (01 chiếc nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen lắp sim số 0384.503.977; 01 chiếc nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng bạc lắp sim số 0326.059.433) và 18.000.000 đồng.

Cùng trong khoảng thời gian này, hồi 02 giờ 30 phút ngày 25/02/2023 tại Trạm soát vé đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn thuộc địa phận phường P, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh, một tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B tiến hành dừng và kiểm tra xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Getz biển kiểm soát 12A-141.38 do La Văn T điều khiển theo hướng Hà Nội - Lạng Sơn; trên xe chở Vũ Đình T1, Hoàng Thị N2 và Tòng Thị H1 (sinh năm 1993; trú tại bản N, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên). Quá trình kiểm tra xe đã thu giữ:

- Tại hộc cánh cửa phía sau bên phải thu giữ 02 túi nilon màu trắng (01 túi bám dính chất bột màu trắng; 01 túi bám dính chất bột màu xanh); 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng và 01 bật lửa ga màu đỏ. T khai nhận số vật chứng này là dụng cụ mà T và mọi người dùng để sử dụng ma túy trước đó. Tổ công tác niêm phong số vật chứng vào một phong bì thư, bên ngoài ghi chữ “mẫu vật tạm giữ khi kiểm tra xe ô tô BKS 12A-141.38”.

- 03 điện thoại di động, gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel lắp 02 sim số 0904.226.373 và 0708.871.111; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo lắp 02 sim số 0936.877.503 và 0879.037.840 và 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo lắp sim số 0936.765.081 của La Văn T.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 lắp sim số 0328.566.893 và số tiền 83.000.000 đồng của Hoàng Thị N2.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel lắp 02 sim số 0971.870.510 và 0332.022.124; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone lắp sim số 0325.372.037 bị vỡ, biến dạng mặt trước và mặt sau của Vũ Đình T1.

Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) tiến hành cho Phạm Văn D, La Văn T, Hoàng Thị N2 nhận dạng, xác nhận chiếc va ly màu xanh chứa ma túy do Tổ công tác thu giữ của D. Kết quả T, D và N2 đều xác nhận: Chiếc va ly do N2 mua tại M

- Sơn La đề T, D, T1 đựng ma túy mua từ Sơn La rồi giao cho D vận chuyển mang về Bắc Giang.

Cùng ngày 25/02/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B ra Lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp đối với T, T1 và N2. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T tại Khu đô thị A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở của D tại xóm T, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở của T1 tại thôn D, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang và chỗ ở của N2 tại thôn Ô, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình khám xét không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến ma túy.

Thực hiện Quyết định Trưng cầu giám định chất ma túy của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đối với số ma túy thu giữ trong chiếc va ly màu xanh, ngày 27/02/2023 Phòng K Công an tỉnh B ban hành Kết luận giám định số 558/KL-KTHS, kết luận:

*“+ Chất tinh thể màu trắng bên trong 02 (hai) túi nilon màu vàng có khối lượng là 1759gam (một nghìn bảy trăm năm mươi chín gam); Là ma túy; Loại ma túy: **Methamphetamine**.*

*+ Chất tinh thể màu trắng bên trong 02 (hai) túi nilon màu xanh có khối lượng là 1271gam (một nghìn hai trăm bảy mươi một gam); Là ma túy; Loại ma túy: **Ketamine**.*

*+ Các viên nén màu hồng và màu xanh bên trong 96 (chín mươi sáu) gói nilon màu xanh và 24 (hai mươi tư) gói nilon màu hồng có khối lượng là 1601 gam (một nghìn sáu trăm linh một gam); Là ma túy; Loại ma túy: **Methamphetamine**.*

*+ Chất bột màu trắng bên trong 04 (bốn) bánh hình hộp chữ nhật đều được bọc ngoài bằng nhiều lớp nilon màu trắng và vàng có khối lượng là 1085gam (một nghìn không trăm tám mươi năm gam); Là ma túy; Loại ma túy: **Heroine**”.*

Tại bản Kết luận giám định số 803/KL-KTHS ngày 31/3/2023, Phòng K Công an tỉnh B kết luận đối với mẫu vật tạm giữ khi kiểm tra xe ô tô BKS 12A-141.38 đựng trong một phong bì thư như sau:

*“+ Chất màu trắng bám dính bên trong 01(một) túi nilon màu trắng có khối lượng là 0,0023 gam; Là ma túy; Loại ma túy: **Ketamine**.*

*+ Chất màu xanh bám dính bên trong 01 túi nilon màu trắng có khối lượng là 0,0012 gam; Là ma túy; Loại ma túy: **MDMA**.*

(Heroine, Methamphetamine, MDMA và Ketamine là các chất ma túy được quy định tại Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất).

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ xác định:

Do có ý định mua ma túy về bán kiếm lời nên La Văn T liên hệ gọi điện thoại cho một người đàn ông tên H2, khoảng 50 tuổi, nhà ở L, huyện M, tỉnh Sơn La (tên tuổi đầy đủ, địa chỉ cụ thể T không rõ) hỏi mua ma túy Heroine, ma túy “đá” (Ketamine) và ma túy “ngựa” (Methamphetamine) với số tiền 800.000.000 đồng;

H2 đồng ý và bảo khi nào có ma túy thì gọi điện báo cho T.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23/02/2023, T nhận được điện thoại của H2 nói “Có hàng rồi, qua lấy” nên T gọi điện thoại cho Phạm Văn D (là bạn xã hội của T, làm nghề lái xe taxi tự do) bảo D đi xe ô tô lên M, Sơn La chở ma túy về cho T và hứa trả công cho D từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng tùy theo số lượng ma túy T mua được từ Sơn La. D đồng ý, sau đó một mình điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Getz biển kiểm soát 12A-141.38 đi lên M, Sơn La. Sau khi gọi điện cho D, T mang theo 400.000.000 đồng rồi điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage biển kiểm soát 98A-448.27 của T đi đến phòng trọ của Hoàng Thị N2 (bạn gái T; ở thôn Ô, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh) rủ N2 đi M, Sơn La mua ma túy về bán; N2 đồng ý. Sau khi đón N2, T điều khiển xe ô tô đến phòng trọ của Vũ Đình T1 (ở Thôn D, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang) rủ T1 đi lên M mua ma túy về bán. Khi gặp T1, T nói với T1: “Có mỗi mua ma túy về bán kiếm lời, anh có tham gia mua về với em không, ma túy không về theo người”; T1 đồng ý và lấy 200.000.000 đồng đưa T cầm, mục đích để góp với T mua ma túy về bán kiếm lời. T1 rủ bạn gái là Tống Thị H1 (H1 ở trọ cùng T1) đi cùng (khi rủ H1, T1 nói đi lên M chơi, không nói với H1 việc đi cùng T lên M, Sơn La mua ma túy về bán). Khoảng 17 giờ cùng ngày, T điều khiển xe ô tô chở N2, T1, H1 đi lên M, Sơn La. Khi đi đến khu vực quán G, dốc C, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình thì xe ô tô do T điều khiển bị hỏng nên T gọi điện thoại cho D quay lại đón. Lúc này D đã đi đến huyện V, tỉnh Sơn La, thấy T gọi thì lái xe ô tô quay lại để đón nhóm của T.

Trong lúc chờ D đến đón, T lấy ở trong người ra 01 túi nilon chứa 4 viên ma túy “keo” (loại ma túy MDMA) và 01 túi nilon chứa ma túy “ke” (loại ma túy Ketamine), là ma túy của T mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực Đ - Bắc Giang với giá 4.200.000 đồng trước đó đưa cho mọi người cùng sử dụng. T lấy 01 viên ma túy “keo” bẻ làm hai phần, đưa cho N2 ngồi ở ghế lái phụ một phần và đưa cho T1 và H1 ngồi ở ghế sau 01 viên; T1 nhận viên ma túy T đưa rồi bẻ làm hai phần và đưa cho H1 một phần. Sau đó 04 người mỗi người nửa viên ma túy dùng nước lọc uống vào cơ thể. Sử dụng ma túy “Keo” xong, T đưa túi nilon chứa ma túy “Ke” cho N2 bảo N2 đổ ra để mọi người cùng sử dụng; N2 hỏi ai có tiền giấy đưa N2 để N2 đổ ma túy “Ke” ra thì H1 đưa cho T1 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng để T1 đưa cho N2. Ngân đồ một ít ma túy “Ke” trong túi nilon ra tờ tiền 5.000 đồng, rồi mượn Tuyên bật lửa hơ phía dưới tờ tiền cho bột ma túy tan ra, còn H1 quần tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng làm ống hút. Hai viên ma túy “keo” và số ma túy “ke” còn lại trong túi nilon chưa sử dụng, T cất vào hộc cánh cửa xe chỗ T ngồi. Sau khi hơ lửa tờ tiền 5000 đồng phía trên có ma túy “ke” xong, N2 sử dụng đầu tiên bằng cách hít ma túy trên tờ tiền vào mũi qua ống hút làm bằng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, lần lượt sau đó là T1 và H1 sử dụng. T không sử dụng ma túy “ke” trên tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng. Số ma túy còn trên tờ tiền 5000 đồng, H1 gói lại cất vào hộc cánh cửa xe ô tô, để ai muốn thì tự lấy sử dụng. Toàn bộ quá trình cả nhóm sử dụng ma túy như trên diễn ra trên xe ô tô BKS 98A-448.27 của T và vừa sử dụng, vừa nghe nhạc (nhạc mở từ thiết bị của ô tô) chờ D đến đón.

Doanh đi đến vị trí xe ô tô BKS 98A-448.27 của T bị hỏng theo vị trí định vị T gửi thì T lấy túi nilon chứa 02 viên ma túy “keo” và túi nilon chứa ma túy “ke” để ở hộc cánh cửa xe đưa cho H1 và bảo H1 cầm hết các đồ dùng, dụng cụ sang xe Doanh nên H1 cầm theo 02 túi nilon chứa ma túy, bật lửa, ống hút và gói ma túy “ke” đã xào gói trong tờ tiền mệnh giá 5000 đồng sang ô tô của D và để vào hộc cánh cửa ghế phía sau xe của D. Xe ô tô Mitsubishi Attrage biển kiểm soát 98A-448.27 bị hỏng được T gửi ở nhà người dân cạnh đường rồi cả nhóm lên xe ô tô của D đi M - Sơn La.

Khoảng 4 giờ ngày 24/02/2023 cả nhóm đến thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La, D cho xe dừng lại. Doanh, N2, H1 vào quán bên đường ăn sáng còn T lấy xe ô tô của D chở T1 đi vào khu vực cửa khẩu L2, huyện M, tỉnh Sơn La, mục đích gặp H2 để trao đổi việc mua bán ma túy. Khi đi đến khu vực L (T không nhớ vị trí cụ thể), T thấy một người đàn ông đứng ở ven đường, T dừng xe hỏi và biết là H2 đang đứng đợi nên T trao đổi với H2 bán cho T 800.000.000 đồng ma túy như đã hẹn trước; T đưa trước cho H2 600.000.000 đồng, khi nào nhận ma túy thì T trả nốt 200.000.000 đồng. H2 nhận tiền và hẹn ngày hôm sau lúc nào có ma túy thì H2 điện thoại cho T. T bảo T1 (lúc này đang ngồi trên xe) đưa túi tiền (trong đó có 400.000.000 đồng của T và 200.000.000 đồng của T1) cho T để T đưa cho H2. Sau khi trao đổi mua ma túy xong, T điều khiển xe ô tô chở T1 về thị trấn M và trả xe ô tô cho D. Doanh đi xe ô tô thuê nhà nghỉ để nghỉ một mình; còn T, T1, H1 và N2 cùng thuê một nhà nghỉ khác.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/02/2023, T nhận được điện thoại của H2 gọi báo đến lấy hàng (tức ma túy). Sau đó, T điện thoại cho D đến đón T để đi lấy ma túy. D đi xe ô tô đến nhà nghỉ T thuê đón T và N2 đi đến điểm hẹn gặp H2. Trên đường đi khi đi đến cửa hàng V (do ông Vũ Hồng P, sinh năm 1966, ở tiểu khu F, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La làm chủ); T bảo N2 vào đổi tiền từ tài khoản lấy tiền mặt, còn D và T ngồi ở ô tô chờ. N2 đi vào quán gặp ông P đặt vấn đề đổi tiền và chuyển 350.000.000 đồng (là số tiền T gửi N2 trước đó) từ tài khoản ngân hàng số 68828052001 của N2 mở tại Ngân hàng M - Chi nhánh tỉnh B đến tài khoản ngân hàng số 7860123552266 của ông P mở tại Ngân hàng M - Chi nhánh huyện M, tỉnh Sơn La và được ông P đưa trả cho N2 350.000.000 đồng tiền mặt. Khi lên xe, N2 đưa cho T 200.000.000 đồng, số tiền còn lại N2 giữ. Trên đường đi, T bảo N2 xuống cửa hàng tạp hóa ven đường mua một chiếc va ly, mục đích để đựng ma túy; N2 đã mua được 01 va ly màu xanh để lên xe ô tô của D. Sau đó, 03 người đi đến điểm hẹn gặp H2 và một người đàn ông đứng ở ven đường tay cầm 01 bao tải dứa màu đen, T bảo D dừng xe rồi T cầm 200.000.000 đồng đựng trong chiếc túi màu đỏ xuống xe đưa cho H2 và nhận túi dứa màu đen chứa ma túy. T để túi dứa màu đen ở cốp sau xe rồi bảo D lái xe quay về thị trấn M. Trên đường đi, T, N2 ngồi phía sau xe lấy bao tải dứa chứa ma túy vừa mua được cho vào va ly và khóa va ly lại. Khi về đến thị trấn M, T bảo D cầm va ly ma túy xuống xe đi tìm nhà nghỉ để nghỉ rồi chờ đến tối bắt xe khách về Hà Nội; còn T lái xe của D chở N2 đi đón T1, H1 về Bắc Ninh trước và hẹn đón D ở cầu vượt Đ Bắc Ninh.

Trên đường lái xe quay về Bắc Ninh đến khu vực thuộc tỉnh Hòa Bình (T, T1, H1 không nhớ cụ thể vị trí), T lấy túi nilon chứa hai viên ma túy “keo” và túi ma túy “ke” lúc trước chưa sử dụng hết, sử dụng một viên ma túy “keo” bằng cách uống vào cơ thể với nước lọc; số ma túy còn lại, T đưa cho T1 01 viên, đưa cho H1 túi ma túy “ke”. Tuyên bẻ viên ma túy “keo” làm hai phần, đưa cho H1 một nửa viên rồi T1 và H1 sử dụng. Sau đó, H1 đổ ma túy ke ra tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng hơi lửa rồi cùng T1 sử dụng, N2 không sử dụng. T, T1 và H1 sử dụng ma túy trên xe ô tô do T điều khiển trên đường đi từ Sơn La về Bắc Ninh. Đến 02 giờ 30 ngày 25/02/2023, khi T điều khiển xe ô tô BKS 12A-141.38 chở N2, T1, H1 đi đến trạm soát vé cao tốc H5 - Lạng Sơn thuộc phường P, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh thì bị lực lượng Công an dừng xe kiểm tra, bắt giữ như đã nêu trên.

Đối với D, khoảng 22h ngày 24/2/2023 bắt xe khách tuyến Sơn La - Hà Nội mang theo va ly màu xanh chứa ma túy đi từ Sơn La về bến xe M thì gọi điện thoại cho T hỏi mang va ly chứa ma túy về đâu; T trả lời mang về T, Bắc Ninh sẽ có người ra lấy. Sau đó, D thuê xe taxi BKS 30A-890.51 của anh Trương Văn H, để chiếc va ly màu xanh chứa ma túy ở cốp xe đi theo Quốc lộ B (Quốc lộ A cũ) về đến địa phận phố T, phường Đ, thành phố T thì bị lực lượng Công an kiểm tra, bắt quả tang hồi 03 giờ 20 phút ngày 25/02/2023.

Tiến hành kiểm tra nước tiểu của các đối tượng, kết quả: Tuấn, N2, T1, H1 phản ứng dương tính với chất ma túy; Doanh âm tính với chất ma túy.

Trên cơ sở lời khai của các bị can, ngày 06/3/2023 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đi đến khu vực Quán G, dốc C, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình, phát hiện và thu giữ chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage màu trắng biển kiểm soát 98A-448.27.

Tiến hành kiểm tra 03 chiếc điện thoại thu giữ của La Văn T gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel lắp 02 sim số 0904.226.373 và 0708.871.111; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo lắp 02 sim số 0936.877.503 và 0879.037.840 và 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo lắp sim số 0936.765.081, xác định: Tại chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel, T chỉ ra số điện thoại của H2 - người bán ma túy cho T ở cửa khẩu L2, M, Sơn La là 0395.439.926 và số +0856309472249 (đầu số nước ngoài), còn các ứng dụng khác không có nội dung gì liên quan đến ma túy. Kiểm tra điện thoại nhãn hiệu Vivo và O không phát hiện thông tin liên quan đến ma túy.

Xác minh, tra cứu thông tin thuê bao di động số 0395.439.926 tại Tập đoàn C1, kết quả: Chủ thuê bao di động số 0395.439.926 là anh Đinh Văn H3 (sinh năm 1989; trú tại bản U, xã S, huyện V, tỉnh Sơn La). Trong phần lịch sử cuộc gọi từ ngày 20/02/2023 đến ngày 26/02/2023 không có cuộc gọi nào từ số 0395.439.926 đến các số 0904.226.373 và 0708.871.111 của T. Tiến hành làm việc, lấy lời khai anh H3 xác định không sử dụng số thuê bao trên và anh không có quan hệ, giao dịch mua bán ma túy với La Văn T.

Tiến hành kiểm tra các điện thoại thu giữ của D2, xác định tại phần lịch sử cuộc gọi của điện thoại Nokia lắp sim số 0384.503.977 có các cuộc gọi qua lại với số điện thoại 0904.226.373 và 0708.871.111 của T, ngoài ra không có thông tin gì

khác. Kiểm tra các điện thoại thu giữ của T1, N2 không có thông tin nào khác liên quan đến ma túy.

2. Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Hoàng Thị N2 thừa nhận nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận ngày 23/02/2023 bị cáo có được T rủ đi M - Sơn La để mua ma túy về bán, để thực hiện việc mua ma túy về bán thì trước đó T có gửi vào tài khoản của bị cáo 350.000.000 đồng. Khi lên đến M thì bị cáo có giúp T vào đổi tiền tại cửa hàng vàng và mua va ly hộ T để đựng ma túy. Về số tiền 83.000.000 đồng bị cáo bị thu giữ là tiền của T gửi bị cáo để sử dụng việc chi tiêu cho cả nhóm khi lên M mua ma túy. Bị cáo N2 khai nhận việc bị cáo cùng T, T1, H1 sử dụng ma túy trên ô tô trong lúc chờ Doanh đến đón cũng như trên đường từ M về là ma túy do T cung cấp. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

Bị cáo D cũng thừa nhận nội dung bản cáo trạng nêu hành vi của bị cáo là đúng và khai nhận T là người thuê bị cáo vận chuyển ma túy từ M - Sơn La về T - Bắc Ninh cho T và T trả công cho bị cáo từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; hôm đi mua ma túy, T đã đưa cho bị cáo 20.000.000 đồng để chi phí trên đường. Bị cáo xác nhận toàn bộ số ma túy bị thu giữ trong va ly màu xanh là ma túy của T thuê bị cáo vận chuyển. Khi giao xe ô tô cho T sử dụng bị cáo không biết T đã tổ chức sử dụng ma túy trên ô tô của bị cáo. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội. Số tiền 18.000.000 đồng bị cáo bị thu giữ là tiền T đưa cho để chi phí trên đường.

Bị cáo T1 thừa nhận nội dung bản cáo trạng nêu hành vi của bị cáo là đúng. T là người rủ bị cáo góp tiền để lên M - Sơn La mua ma túy về bán kiếm lời, bị cáo đồng ý góp 200.000.000 đồng với T và đi cùng T, N2 và H1 lên M mua ma túy. Khi rủ H1 đi thì bị cáo chỉ rủ H1 đi chơi không nói mục đích đi mua ma túy cho H1 biết. Mọi việc liên hệ mua ma túy như thế nào là do T thực hiện, bị cáo chỉ góp tiền và đi cùng T. Số tiền 200.000.000 đồng bị cáo đưa trực tiếp cho T trên xe ô tô để T đưa cho người bán ma túy. Toàn bộ số ma túy đều được để chung trong bao tải dứa chứ không phân định của bị cáo bao nhiêu, của T bao nhiêu. Trên đường đi lên M, Sơn La mua ma túy cũng như trên đường từ M về thì bị cáo cùng T, N2, H1 có sử dụng ma túy trên xe ô tô, nguồn gốc ma túy sử dụng là do T cung cấp. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo là đúng.

Bị cáo T thừa nhận hành vi mua bán ma túy của bị cáo, tuy nhiên bị cáo cho rằng việc cáo trạng nêu T1 góp chung 200.000.000 đồng cùng bị cáo là không đúng, bởi T1 cùng đi với bị cáo đến gặp người tên H2 để mua ma túy và bị cáo xuống xe ô tô đưa cho H2 400.000.000 đồng để mua ma túy, hẹn H2 khi nào giao ma túy bị cáo sẽ đưa nốt 200.000.000 đồng còn T1 cũng xuống xe ô tô đưa trực tiếp cho đối tượng tên H2 200.000.000 đồng. Khi H2 đưa ma túy cho bị cáo thì bị cáo cầm và biết toàn bộ ma túy được đựng chung trong bao tải dứa và bị cáo trực tiếp cho bao tải dứa chứa ma túy vào trong chiếc va ly màu xanh do N2 mua. Bị cáo thừa nhận bị cáo là người khởi xướng và rủ T1, N2 đi M, Sơn La mua ma túy, còn N2 là người giữ tiền, đi đổi tiền và mua va ly hộ bị cáo để đựng ma túy. Bị cáo là người trực tiếp liên hệ với người đàn ông mua ma túy và trực tiếp đi cùng

T1, N2 đến gặp người đàn ông tên H2 để giao dịch mua ma túy, bị cáo và T1 đã mua ma túy của người đàn ông tên H2 với giá 800.000.000 đồng gồm nhiều loại ma túy. Bị cáo có thuê D vận chuyển ma túy hộ bị cáo từ M - Sơn La về Bắc Ninh, bị cáo trả công cho D 20.000.000 đồng và bị cáo đã đưa số tiền này cho D. Mục đích bị cáo mua ma túy về bán kiếm lời là do có người tên là Ngô Văn D1 ở Y, S, Bắc Giang đặt hàng với bị cáo. Trên đường đi và về bị cáo cùng T1, N2, H1 có sử dụng ma túy trên xe ô tô, số ma túy các bị cáo sử dụng có nguồn gốc là của bị cáo mua của người không quen biết với giá hơn 4 triệu đồng. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

3. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 151/2023/HSST ngày 21 tháng 12 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo La Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; các bị cáo Vũ Đình T1, Phạm Văn D, Hoàng Thị N2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 17, 58, 40, 55 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt La Văn T tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội buộc bị cáo La Văn T phải chấp hành hình phạt chung là tử hình. Phạt bổ sung bị cáo La Văn T 20.000.000 đồng để sung Ngân sách nhà nước.

- Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 40 Bộ luật hình sự: Xử phạt Vũ Đình T1 tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung bị cáo Vũ Đình T1 10.000.000 đồng để sung Ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử phạt Phạm Văn D tù Chung thân và 10.000.000 đồng, Hoàng Thị N2 20 năm tù và 5.000.000 đồng cùng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo việc thi hành án; xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm; phổ biến quyền kháng cáo và quyền làm đơn xin ân giảm án tử hình theo quy định.

4. Kháng cáo:

Ngày 25/12/2023 và ngày 29/12/2023, các bị cáo La Văn T, Vũ Đình T1 có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/12/2023, bị cáo Phạm Văn D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo đã rút toàn bộ kháng cáo nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo D.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

5.1. Bị cáo Vũ Đình T1 xin rút toàn bộ kháng cáo.

5.2. Bị cáo La Văn T giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trình bày: Bản án sơ thẩm đã mô tả hành vi của bị cáo là đúng. Bị cáo bị nghiện nên đã mua ma túy về sử dụng. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ gồm: bản thân bị cáo có

đóng góp trong công tác phòng chống dịch covid như huy động gia đình, bạn bè mua thực phẩm hỗ trợ các gia đình trong dịch covid, đồng thời bị cáo cũng huy động anh em đồng nghiệp chở những bệnh nhân nhiễm covid và không lấy tiền. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, hiện đang mắc nợ nhiều. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

5.3. Chủ tọa phiên tòa công bố một số tài liệu do Luật sư Phạm Quang Q giao nộp gồm: 01 Đơn đề nghị mang tên bà Trần Thị Tuyết đ ngày 11/02/2024 (có xác nhận của UBND xã T) có nội dung xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; 01 Giấy xác nhận mang tên bà Trần Thị Tuyết đ ngày 05/02/2024 (có xác nhận của UBND xã T) có nội dung bà T2 xin xác nhận bà và anh La Văn T có đóng góp ủng hộ trong công tác phòng chống dịch Covid; 01 Đơn xin xác nhận của chị Phạm Thị N đề ngày 10/12/2023 có nội dung chị đề nghị Công ty Cổ phần D3 xác nhận bị cáo T có nhiều đóng góp trong công tác và được tặng thưởng giấy khen (đơn được Giám đốc Công ty ký tên, đóng dấu xác nhận); 01 bản phô tô màu Giấy khen của Công ty Cổ phần D3 tặng cho La Văn T đạt danh hiệu “Nhân viên xuất sắc” năm 2022.

5.4. Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Đình T1 rút toàn bộ kháng cáo; việc rút kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Vũ Đình T1.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo La Văn T hình phạt tử hình về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là phù hợp và đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bào chữa cho bị cáo T cung cấp một số tình tiết mới như xác nhận của UBND xã nơi cư trú xác nhận bị cáo có đóng góp trong công tác phòng chống dịch covid, giấy khen của cơ quan bị cáo công tác, đơn xin giảm nhẹ của mẹ đẻ bị cáo. Kiểm sát viên thấy rằng khối lượng ma túy bị cáo mua bán là đặc biệt lớn, hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm gia đình bị cáo có cung cấp một số tình tiết giảm nhẹ nhưng không đủ căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

5.5. Người bào chữa cho bị cáo La Văn T là Luật sư Phạm Quang Q phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa, bị cáo T giữ nguyên kháng cáo và đề nghị xem xét lại tội danh Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và bổ sung một số tình tiết mới. Theo Thông tư số 17 về việc hướng dẫn áp dụng một số điều quy định về tội phạm ma túy theo Bộ luật Hình sự năm 1999 có xác định người nghiện ma túy cho người nghiện ma túy khác chất ma túy không cấu thành tội tổ chức sử dụng trái

phép chất ma túy. Quy định này đến nay vẫn có hiệu lực. Theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo thì phải xác định bị cáo T không phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội này là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại các tình tiết của bị cáo để đưa ra phán quyết đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình bị cáo có xuất trình thêm một số tài liệu mới thể hiện bị cáo T có nhân thân tốt, có nhiều đóng góp trong công tác và trong xã hội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại, làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo; trường hợp không được chấp nhận thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ từ hình xuống chung thân.

5.6. Kiểm sát viên tranh luận: Giữ nguyên quan điểm đối với tội mua bán trái phép chất ma túy. Đối với quan điểm của Luật sư cho rằng bị cáo không phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, Kiểm sát không nhất trí bởi vì: rõ ràng bị cáo có hành vi tổ chức cho 4 bị cáo khác cùng sử dụng ma túy 2 lần. Việc Luật sư cho rằng theo quy định tại Thông tư 17 thì bị cáo không phạm tội là không đúng do Thông tư 08 đã bãi bỏ mục 7.3 bao hàm cả mục 7.2 Thông tư 17 như Luật sư đưa ra; đồng thời, sau này TANDTC đã có công văn giải đáp thắc mắc về tội phạm ma túy, trong đó có giải thích rõ bất kể người nào kể cả người nghiện hay không nghiện đưa ma túy cho người khác sử dụng thì đều phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Đình T1 tự nguyện xin rút toàn bộ kháng cáo. Căn cứ vào quy định tại các Điều 342, 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Vũ Đình T1.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo La Văn T thì thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo La Văn T đã khai nhận và xác định toàn bộ hành vi của bị cáo đã được mô tả tại Bản án sơ thẩm là đúng. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại các phiên tòa; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám xét nơi ở; vật chứng thu giữ; bản Kết luận giám định chất ma túy và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 03 giờ 20 phút ngày 25/02/2023, tại đoạn đường T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh, Tổ công tác của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy đã phát hiện và bắt quả tang Phạm Văn D có hành vi vận chuyển trái phép 1.085 gam ma túy Heroine, 3.360 gam ma túy Methamphetamine và 1.271 gam ma túy Ketamine; D khai nhận số ma túy trên là của La Văn T thuê D vận chuyển từ Sơn

La về Bắc Giang cho T. Quá trình điều tra xác định số ma túy trên do La Văn T và Vũ Đình T1 mua của một người đàn ông tên H2 (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) ở huyện M, tỉnh Sơn La với giá 800.000.000 đồng (trong đó: T góp 600.000.000 đồng và T1 200.000.000 đồng) để bán kiếm lời. Hoàng Thị N2 và Phạm Văn D đi cùng La Văn T và biết T lên M mua ma túy về bán, sau đó ngày 24/2/2023 T, D và N2 vào bản ở khu vực cửa khẩu L2 lấy ma túy với T. Trên đường đi N2 vào cửa hàng vàng bạc ở thị trấn M đổi rút 350.000.000 đồng tiền mặt, sau đó đưa cho T 200.000.000 đồng để mua ma túy và vào cửa hàng T5 mua 01 chiếc valy màu xanh để đựng ma túy.

Ngoài hành vi mua bán trái phép chất ma túy, La Văn T còn có hành vi đưa 04 viên ma túy “keo” (MDMA) và 01 túi ma túy “ke” (Ketamine) cho Vũ Đình T1, Hoàng Thị N2 và Tòng Thị H1 cùng sử dụng, 1 lần trên đường đi Sơn La và 1 lần trên đường trở về Bắc Ninh.

Với những hành vi nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 151/2023/HSST ngày 21/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã tuyên bố bị cáo La Văn T và các bị cáo khác phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng của các chất đó tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này” (điểm b: Heroine, Methamphetamine... có khối lượng 100 gam trở lên; điểm e: Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên) quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; đồng thời, bị cáo La Văn T còn phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Đối với 02 người trở lên” quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả từ hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng của bị cáo La Văn T và các bị cáo khác trong vùng vụ án đã thực hiện. Đã đánh giá đúng tính chất, vai trò đồng phạm của các bị cáo đối với hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”; trong đó, bị cáo La Văn T là người có vai trò chính, trực tiếp liên hệ với đối tượng tên H2 để mua ma túy, rủ rê T1 cùng góp tiền tham gia mua bán ma túy kiếm lời, bản thân bị cáo cũng là người góp tiền nhiều hơn T1 để mua ma túy và cũng chính là người trực tiếp thuê D vận chuyển ma túy cho bị cáo sau khi mua được từ M, Sơn La về Bắc Ninh. Về đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã xác định: bị cáo T không có tiền án tiền sự; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có ông bà nội, ngoại là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng H4, Huy chương kháng chiến nên bị cáo T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Từ đó, đã cân nhắc và quyết định xử phạt La Văn T tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung 20.000.000 đồng để sung Ngân sách nhà nước là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm tính nghiêm minh đối với người phạm

tội, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và yêu cầu đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm.

Đối với ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo La Văn T phát biểu tại phiên tòa căn cứ vào hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 17/2007/ TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP24/12/2007 của Bộ C, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp để cho rằng bị cáo La Văn T không phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là không phù hợp, không đúng với quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và quy định tại Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên không được chấp nhận.

Đối với một số chứng cứ do gia đình bị cáo giao nộp tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù có một số chứng cứ thể hiện bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới. Tuy nhiên, so với khối lượng ma túy bị cáo mua bán là đặc biệt lớn, hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và những tình tiết giảm nhẹ trên đều không phải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không đủ cơ sở để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Bị cáo La Văn T có kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Vũ Đình T1 rút đơn kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 342, 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Vũ Đình T1; Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2023/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh về phần hình phạt đối với bị cáo Vũ Đình T1 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo La Văn T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2023/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo La Văn T.

Áp dụng điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 251; các điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 17, 58, 40, 55 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt La Văn T tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc La Văn T phải chấp hành hình phạt chung là tử hình. Phạt bổ sung La Văn T 20.000.000 đồng để sung Ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giam La Văn T để bảo đảm việc thi hành án.

3. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác; xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào điểm b, g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Vũ Đình T1 không phải chịu; bị cáo La Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 16 tháng 4 năm 2024).

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, bị cáo La Văn T và bị cáo Vũ Đình T1 có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án tử hình.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Các bị cáo; người bào chữa cho các bị cáo.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Điền